

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Quý III năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 9 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		2.325.988.404.653	1.733.807.215.727
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	38.078.055.835	74.549.476.681
1. Tiền	111		38.078.055.835	74.549.476.681
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		1.772.491.396.453	1.142.805.951.570
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	970.685.326.632	563.615.245.448
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	178.754.806.695	134.147.325.327
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	622.947.480.537	448.474.717.744
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(3.570.151.900)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		103.782.589	138.814.951
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.05	470.840.700.554	476.408.772.126
1. Hàng tồn kho	141		475.783.985.109	481.352.056.681
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.943.284.555)	(4.943.284.555)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		44.578.251.811	40.043.015.350
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	32.969.105.653	20.354.446.311
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14b	11.609.146.158	19.688.569.039
B. Tài sản dài hạn	200		1.130.597.389.825	792.889.089.550
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		430.425.065.973	369.545.043.083
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	10.272.023.938	15.152.719.998
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	420.153.042.035	354.392.323.085
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		170.812.582.088	173.361.304.734
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	83.794.133.676	85.780.830.852
- Nguyên giá	222		155.438.687.246	146.142.973.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.644.553.570)	(60.362.142.498)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	87.018.448.412	87.580.473.882
- Nguyên giá	228		89.174.686.441	89.140.681.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.156.238.029)	(1.560.207.559)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		46.036.654.102	24.571.180.392
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	46.036.654.102	24.571.180.392
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		382.437.923.639	115.935.923.639
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11a	205.000.000.000	85.498.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11b	177.437.923.639	30.437.923.639
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		100.885.164.023	109.475.637.702
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	5.987.405.727	3.963.285.103
2. Lợi thế thương mại	269	V.07	94.897.758.296	105.512.352.599
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.456.585.794.478	2.526.696.305.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 9 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		2.396.228.973.855	1.602.051.072.557
I. Nợ ngắn hạn	310		1.960.821.124.204	1.473.296.015.671
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	168.034.522.853	128.283.454.707
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	26.434.185.889	42.410.927.781
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	6.969.043.539	26.798.004.863
4. Phải trả người lao động	314		(248.704.856)	24.853.476.029
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	10.756.146.808	7.051.217.410
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		275.734.079	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	60.217.823.109	58.586.938.058
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	1.686.853.332.004	1.182.778.188.045
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.529.040.779	2.533.808.778
II. Nợ dài hạn	330		435.407.849.651	128.755.056.886
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	300.000.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	135.407.849.651	128.755.056.886
D. Vốn chủ sở hữu	400		1.060.356.820.623	924.645.232.720
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.060.356.820.623	924.645.232.720
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	798.184.190.000	760.175.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.184.190.000	760.175.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	19.004.385.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	4.367.682.760	4.367.682.760
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	1.215.200.961	1.215.200.961
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	165.177.286.104	128.077.046.468
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		128.077.046.468	16.362.280.586
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.100.239.636	111.714.765.882
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.20	72.408.075.798	30.809.882.531
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.456.585.794.478	2.526.696.305.277

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2023

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		1.772.973.157.224	1.494.919.149.991	5.079.397.281.585	4.070.032.986.763
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		80.276.850.722	8.895.441.820	173.643.318.628	20.024.656.355
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	1.692.696.306.502	1.486.023.708.171	4.905.753.962.957	4.050.008.330.408
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.612.165.177.372	1.349.516.886.834	4.636.917.076.062	3.711.778.028.406
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.531.129.130	136.506.821.337	268.836.886.895	338.230.302.002
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	72.301.579.975	11.689.280.055	134.285.416.845	26.865.842.249
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	41.206.237.615	18.825.246.816	111.211.341.811	38.571.978.525
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.206.237.615	18.825.246.816	111.211.341.811	38.571.978.525
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	66.014.940.372	63.788.651.654	192.176.587.418	170.501.877.439
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	30.279.314.669	31.829.117.405	80.565.770.037	89.706.153.851
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.332.216.450	33.753.085.517	19.168.604.475	66.316.134.436
12. Thu nhập khác	31	VI.07	11.238.873.306	14.312.818.076	28.076.542.240	27.700.239.605
13. Chi phí khác	32	VI.08	116.302.836	898.327.231	1.085.277.259	1.509.993.355
14. Lợi nhuận khác	40		11.122.570.470	13.414.490.845	26.991.264.981	26.190.246.250
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.454.786.920	47.167.576.362	46.159.869.456	92.506.380.686
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.387.590.539	7.324.523.489	6.913.733.341	14.493.223.162
17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.067.196.381	39.843.052.873	39.246.136.115	78.013.157.524
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		22.762.028.855	38.099.626.159	37.100.239.636	73.948.884.065
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		2.305.167.526	1.743.426.714	2.145.896.479	4.064.273.459
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	290	512	483	1.012
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	290	512	483	1.012

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2023

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	46.159.869.456	92.506.380.686
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13.745.080.958	12.212.035.053
Các khoản dự phòng	03	(3.570.151.900)	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(134.423.921.724)	(28.127.520.127)
Chi phí lãi vay	06	111.211.341.811	38.571.978.525
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.122.218.601	115.162.874.137
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(578.397.175.803)	(439.030.260.120)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	5.568.071.572	43.940.615.738
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	377.270.943.282	54.420.398.306
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(4.024.185.663)	(17.156.984.389)
Tiền lãi vay đã trả	14	(111.489.633.529)	(38.564.840.670)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.501.355.544)	(10.450.759.649)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.004.767.999)	(471.507.149)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(305.455.885.083)	(292.150.463.796)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(34.479.270.496)	(44.279.188.927)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.147.999.999	6.503.191.818
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(300.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	33.498.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	76.643.010	2.529.581.094
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(298.756.627.487)	(35.246.416.015)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	57.013.155.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	4.680.329.861.722	2.646.371.037.988
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.169.601.924.998)	(2.300.971.657.214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	567.741.091.724	345.399.380.774
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(36.471.420.846)	18.002.500.963
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	74.549.476.681	55.474.603.075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	38.078.055.835	73.477.104.038

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Đăng Hoàng

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2023

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và thay đổi lần thứ 16 ngày 31/7/2023 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSĐC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ phần.

- Vốn điều lệ đăng ký:

798.184.190.000 đồng

- Vốn góp thực tế đến 30/9/2023:

798.184.190.000 đồng

Trụ sở chính đặt tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, KCN Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh 824 đặt tại 824 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-007.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Đại lý du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (dịch vụ cứu hộ cứu nạn);
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

6. Danh sách công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái 2, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	98,53%	98,53%
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Số 51 Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thương mại và dịch vụ	52,00%	52,00%
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	96,52%	96,52%
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Lô DVTM-08 và lô DVTM-11, Đường số 7, Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	90,00%	90,00%
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thương mại và dịch vụ	0,00%	95,00%
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, Xã Hòa An, Huyện Phú Hoà, Tỉnh Phú Yên	Thương mại và dịch vụ	70,20%	99,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con ("Tập đoàn") cho thời kỳ tài chính quý III năm 2023. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng thời kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng các khoản tiền gửi ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng có tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- + Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
- + Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp ... và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá TSCĐ. Chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

- Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm	02 - 05 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

8. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định hiện hành.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	1.089.772.152	11.499.202.374
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	203.163.998	308.000.846
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	32.252.106	10.103.077.296
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)	223.117.250	29.116.187
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	589.545.298	1.058.967.545
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	41.693.500	40.500
Tiền gửi ngân hàng	36.988.283.683	62.890.274.307
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	10.146.497.777	20.541.461.991
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	9.046.031.811	16.559.231.832
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)	10.155.534.258	2.845.175.169
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	7.622.049.269	22.936.981.334
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	18.170.568	7.423.981
Tiền đang chuyển	-	160.000.000
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	-	160.000.000
Cộng	38.078.055.835	74.549.476.681
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% trên tổng phải thu khách hàng)	570.153.676.955	328.543.680.285
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	356.872.176.815	189.927.224.565
- Công ty TNHH Auto Hoàng Gia Sài Gòn	43.659.472.862	45.144.340.598
Cộng	970.685.326.632	563.615.245.448
3. Trả trước cho người bán		
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Minh Long	115.163.167.078	95.967.863.588
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	40.719.791.855	8.000.646.028
- Công ty CP Easy Car	7.500.000	8.452.982.514
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	22.864.347.762	21.725.833.197
Cộng	178.754.806.695	134.147.325.327
b) Dài hạn		
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	10.272.023.938	15.152.719.998
Cộng	10.272.023.938	15.152.719.998
4. Phải thu khác		
a) Phải thu khác ngắn hạn		
- Phải thu hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp chính	60.421.406.127	34.200.246.961
- Phải thu khác từ Công ty CP Bất Động Sản Bảo Long	31.458.332.164	36.603.015.888
- Phải thu khác từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	244.796.832.670	195.720.320.298
- Phải thu khác từ Công ty TNHH Minh Long	49.137.980.216	29.737.259.660
- Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân	62.202.070.795	34.253.727.820
- Phải thu ngắn hạn tiền góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	15.254.590.000	13.781.000.000
- Các khoản tạm ứng nhân viên	4.301.172.706	2.334.572.982
- Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long thực hiện cải tạo nhà xưởng	-	65.160.000.000
- Ký quỹ ngắn hạn khác	35.828.777.800	6.346.152.007
- Các khoản phải thu khác	119.546.318.059	30.338.422.128
Cộng	622.947.480.537	448.474.717.744

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Phải thu khác dài hạn				
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô			274.732.000.000	274.732.000.000
- Ký quỹ thuê văn phòng cho Công ty TNHH Minh Long 20 năm			137.160.000.000	72.000.000.000
- Ký quỹ dài hạn khác			8.261.042.035	7.660.323.085
Cộng			420.153.042.035	354.392.323.085
5. Hàng tồn kho				
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	2.051.860.130	-	53.270.411	-
- Chi phí sản xuất dở dang	9.915.749.525	-	9.311.020.405	-
- Hàng hóa (5.1)	463.816.375.454	(4.943.284.555)	471.987.765.865	(4.943.284.555)
Cộng	475.783.985.109	(4.943.284.555)	481.352.056.681	(4.943.284.555)
(5.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:				
Xe các loại			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tại Công ty Cổ phần City Auto			393.609.559.825	394.060.473.574
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ			110.707.434.995	136.892.470.717
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)			72.517.872.722	29.606.945.455
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)			53.716.519.371	35.312.367.343
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)			156.667.732.737	192.248.690.059
Phụ tùng, phụ kiện			70.206.815.629	77.927.292.291
- Tại Công ty Cổ phần City Auto			36.268.007.860	46.355.526.484
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ			21.934.964.207	18.988.571.543
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)			21.934.964.207	18.988.571.543
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)			6.367.332.214	7.829.131.118
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)			4.333.651.848	4.754.063.146
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận			1.302.859.500	-
Cộng			463.816.375.454	471.987.765.865
6. Chi phí trả trước				
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ			3.546.323.554	2.090.721.754
- Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển			21.608.183.636	14.137.500.000
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển			7.814.598.463	4.126.224.557
Cộng			32.969.105.653	20.354.446.311
b) Dài hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ			2.741.570.816	2.799.008.762
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển			3.245.834.911	1.164.276.341
Cộng			5.987.405.727	3.963.285.103
7. Lợi thế thương mại				
Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất			141.527.923.950	141.527.923.950
Lợi thế thương mại đã phân bổ			(46.630.165.654)	(36.015.571.351)
Cộng			94.897.758.296	105.512.352.599

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	57.162.165.644	1.847.084.518	-	59.009.250.162
Máy móc, thiết bị	38.743.457.866	4.576.586.364	427.465.616	42.892.578.614
Phương tiện vận tải	48.112.457.859	6.519.125.904	3.188.617.274	51.442.966.489
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.124.891.981	-	31.000.000	2.093.891.981
Cộng	146.142.973.350	12.942.796.786	3.647.082.890	155.438.687.246
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	20.731.885.081	3.510.383.228	-	24.242.268.309
Máy móc, thiết bị	25.909.878.682	3.836.905.582	389.762.482	29.357.021.782
Phương tiện vận tải	12.499.984.597	5.640.980.654	1.439.881.934	16.701.083.317
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.220.394.138	123.786.024	-	1.344.180.162
Cộng	60.362.142.498	13.112.055.488	1.829.644.416	71.644.553.570
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	36.430.280.563			34.766.981.853
Máy móc, thiết bị	12.833.579.184			13.535.556.832
Phương tiện vận tải	35.612.473.262			34.741.883.172
Thiết bị, dụng cụ quản lý	904.497.843			749.711.819
Cộng	85.780.830.852			83.794.133.676
9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	5.118.206.818	71.000.000	36.995.000	5.152.211.818
Cộng	89.140.681.441	71.000.000	36.995.000	89.174.686.441
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	1.560.207.559	633.025.470	36.995.000	2.156.238.029
Cộng	1.560.207.559	633.025.470	36.995.000	2.156.238.029
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	3.557.999.259			2.995.973.789
Cộng	87.580.473.882			87.018.448.412
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định			1.719.316.363	661.500.000
- Quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng showroom - Công ty CP Ô tô Phú Mỹ			36.546.950.044	20.589.644.337
- Chi phí xây dựng showroom, xưởng			7.770.387.695	3.320.036.055
Cộng			46.036.654.102	24.571.180.392
11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
		Số cuối kỳ		Số đầu năm
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
				Giá trị hợp lý
a) - Đầu tư khác	205.000.000.000	205.000.000.000	-	85.498.000.000
b) - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	177.437.923.639	177.437.923.639	-	30.437.923.639
Cộng	382.437.923.639	382.437.923.639	-	115.935.923.639

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

a) Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Giá trị vốn góp theo đăng ký	Giá trị vốn góp đến ngày 30/9/2023
- Công ty CP New City Rent A Car	(11.1) 16,00%	40.000.000.000	40.000.000.000
- Công ty Cổ phần Easy Car	(11.2) 3,75%	12.000.000.000	12.000.000.000
- Công Ty Cổ phần Dasonmotors	(11.3) 15,00%	153.000.000.000	153.000.000.000
Cộng			205.000.000.000

(11.1) Công ty CP Auto Trường Chinh đầu tư mua 1.600.000 cổ phần của Công ty CP New City Rent A Car với giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ đồng, sở hữu 16% vốn điều lệ, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315125524 ngày 10/11/2020 với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

(11.2) Công ty CP Auto Trường Chinh đầu tư mua 3.749.800 cổ phần của Công ty CP Easy Car với giá trị chuyển nhượng là 37.498.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315963325 ngày 16/5/2022 với vốn điều lệ 320 tỷ đồng, sở hữu 11,72% vốn điều lệ. Tại ngày 20/9/2023, Công ty CP Auto Trường Chinh chuyển nhượng 2.549.800 cổ phần của Công ty CP Easy Car với giá trị chuyển nhượng là 50.996.000.000 đồng cho Công ty CP DAF Group theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 39/2023/HĐCNCP-HTCH.

(11.3) Đầu tư thành lập Công Ty Cổ phần Dasonmotors theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317908538 ngày 29/6/2023 với vốn điều lệ 1.068.000.000.000 đồng. Công ty CP City Auto đăng ký góp 160.200.000.000 đồng, chiếm 15% vốn điều lệ. Đến ngày 30/9/2023, Công ty đã góp 153.000.000.000 đồng, vốn còn góp thiếu là 7.200.000.000 đồng.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Đức Hòa	(11.4) 30.437.923.639	30.437.923.639
Công ty Cổ phần Daf Group	(11.5) 147.000.000.000	-
Cộng	30.437.923.639	30.437.923.639

(11.4) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 157/22/HĐUT ngày 10/10/2022 và phụ lục giữa Công ty CP City Auto và Ông Lê Đức Hòa, tổng số tiền được ủy thác: 31.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, lãi suất ủy thác cố định 5%/năm và được thanh toán vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.

(11.5) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐHTKD/CTF-DAF ngày 20/7/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và Công ty Cổ phần Daf Group. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 147.000.000.000 đồng. Thời hạn ủy thác là 84 tháng.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	17.412.141.552	17.412.141.552	27.530.238.625	27.530.238.625
- Công ty TNHH Ô Tô VW Nha Trang	24.502.624.748	24.502.624.748	23.352.201.066	23.352.201.066
- Công Ty CP Liên Doanh Ô Tô Hyundai Thành Công Việt Nam	31.484.020.330	31.484.020.330	3.863.020.522	3.863.020.522
- Công ty CP TĐ Tân Thành Đô	12.589.351.282	12.589.351.282	14.379.338.017	14.379.338.017
- Công ty CP Auto Hoàng Gia Sài Gòn	1.749.938.350	1.749.938.350	-	-
- Công ty CP Trident Auto	-	-	5.400.000.000	5.400.000.000
- Công ty TNHH Minh Long	8.426.827.369	8.426.827.369	26.407.301.753	26.407.301.753
- Công ty CP Truck&Bus Trường Chinh	44.654.212.090	44.654.212.090	9.367.211.113	9.367.211.113
- Các đối tượng khác	27.215.407.132	27.215.407.132	17.984.143.611	17.984.143.611
Cộng	168.034.522.853	168.034.522.853	128.283.454.707	128.283.454.707

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	26.434.185.889	42.410.927.781
Cộng	26.434.185.889	42.410.927.781

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	306.823.657	189.418.729
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.238.669.007	25.826.291.210
- Thuế thu nhập cá nhân	423.550.875	782.294.924
Cộng	6.969.043.539	26.798.004.863

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
b) Phải thu		
- Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	11.609.146.158	19.688.569.039
Cộng	11.609.146.158	19.688.569.039

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
15. Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	402.112.476	717.479.505
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	987.859.607	1.266.151.325
- Chi phí phải trả khác	9.366.174.725	5.067.586.580
Cộng	10.756.146.808	7.051.217.410

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
16. Các khoản phải trả khác ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm bắt buộc	4.952.308.801	3.322.382.303
- Tài sản thừa chờ xử lý	525.963.313	525.963.313
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	2.888.360.470	5.382.470.054
- Phải trả tiền mượn Công ty CP Easy Car	5.000.000.000	5.000.000.000
- Phải trả bà Trần Thị Tâm tiền thu hộ chuyển nhượng cổ phần	160.000.000	2.198.489.856
- Phải trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	264.000.000	264.000.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của Tập đoàn	1.771.912.697	220.916.363
- Các khoản phải trả khác	44.655.277.828	41.672.716.169
Cộng	60.217.823.109	58.586.938.058

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
17. Vay và nợ thuê tài chính				
a. Ngắn hạn	1.182.778.188.045	4.659.928.652.287	4.154.587.258.328	1.686.853.332.004
- NH Ngoại thương (17.1)	226.908.375.461	1.106.333.342.688	966.657.661.485	366.584.056.664
- NH Bảo Việt (17.2)	112.317.211.000	588.364.064.000	573.806.525.000	126.874.750.000
- NH Đầu tư và Phát triển (17.3)	242.106.453.701	1.054.874.013.133	964.815.152.313	332.165.314.521
- NH Indovina (17.4)	334.735.863.639	388.512.317.236	387.541.805.763	335.706.375.112
- NH Quốc tế (17.5)	37.879.038.780	252.526.307.740	218.504.767.420	71.900.579.100
- NH VN Thịnh Vượng (17.6)	11.348.416.400	239.143.360.998	96.587.612.900	153.904.164.498
- NH Eximbank (17.7)	6.247.847.900	22.286.288.700	25.798.993.100	2.735.143.500
- NH Công thương (17.8)	27.361.526.163	83.250.592.700	85.703.796.563	24.908.322.300
- NH Quân đội (17.9)	55.036.462.150	80.913.447.900	126.318.666.916	9.631.243.134
- NH Phương Đông (17.10)	17.216.288.781	42.149.286.815	43.122.003.932	16.243.571.664
- NH HD Bank (17.11)	7.220.000.000	25.239.792.000	20.286.695.088	12.173.096.912
- NH HSBC (17.12)	88.043.816.034	500.798.695.877	515.443.577.848	73.398.934.063
- NH Bangkok (17.13)	-	260.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
- NH Tiên Phong (17.14)	-	1.384.000.000	-	1.384.000.000
- NH Xăng dầu Petrolimex (17.15)	-	207.142.500	-	207.142.500
- NH TM CP Đông Nam Á (17.16)	-	13.946.000.000	-	13.946.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.356.888.036			15.090.638.036

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b. Dài hạn		78.755.056.886	20.401.209.435	15.014.666.670	85.407.849.651
- NH Ngoại thương	(17.1)	69.244.900.000	1.567.254.435	7.680.000.000	63.132.154.435
- NH Quân đội	(17.9)	32.862.500	-	32.862.500	-
- NH HD Bank	(17.11)	16.150.000.000	15.195.000.000	6.814.988.649	24.530.011.351
- NH Tiên phong	(17.14)	-	374.500.000	36.836.064	337.663.936
- NH Bảo Việt	(17.2)	8.550.000.000	2.710.000.000	89.500.000	11.170.500.000
- NH VN Thịnh Vương	(17.6)	1.134.182.422	554.455.000	360.479.457	1.328.157.965
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>		<i>(16.356.888.036)</i>			<i>(15.090.638.036)</i>
c. Trái phiếu thường	(17.17)	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Cộng		1.311.533.244.931	4.680.329.861.722	4.169.601.924.998	1.822.261.181.655

Cho đến ngày 30/9/2023, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(17.1) Vay ngắn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng như sau:

- Khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0648/KHDN/22/HMCV ngày 30/12/2022 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 094/KHDN/20/HĐBĐ ngày 07/8/2020.

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0230/KHDN/23/HMCV ngày 09/6/2023 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 022K23 ngày 30/3/2023. Hạn mức tín dụng là 250.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 04 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100% phát sinh theo hợp đồng mua bán xe giữa Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam và khách hàng. Thế chấp/ cầm cố tài sản là cổ phiếu bao gồm:

- 500 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty CP City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Ngọc Dân; theo hợp đồng cầm cố số 279CC20 ngày 17/02/2021.

- 1.050 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty CP City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Lâm; theo hợp đồng cầm cố số 025CC21/KHBB ngày 20/05/2021.

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 0073/KHDN/23/HMCV ngày 28/02/2023, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0073/KHDN/23/HMCV/SĐ1 ngày 18/8/2023, Hợp đồng phát hành thư tín dụng 0074/KHDN/23/HMCV ngày 28/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0074/KHDN/23/HMCV/SĐ1 ngày 18/8/2023. Hạn mức vay: 50.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: tối đa không quá 03 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay theo hợp đồng tín dụng số 2022/HDTD-NTF ngày 07/10/2022 kèm theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2022/HMCV-NTF và thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 2022/HMBL-NTF ngày 07/10/2022, với hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng. Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng đến hết ngày 24/8/2022. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Hàng hóa xe ô tô Ford mới 100% theo hợp đồng bảo đảm số 2021/ONT/HHLC ngày 23/7/2021 và hợp đồng bảo đảm số 2022/LX-NTF ngày 07/10/2022 và các phụ lục đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0269/KHDN/20 ngày 03/11/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0269/KHDN/20-SD1 ngày 03/11/2020 và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0270/KHDN/20/TLDH ngày 03/11/2020, số tiền vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo lãi suất thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn bao gồm:

- 500.000 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto của ông Trần Lâm và bà Võ Thị Thanh Hiền.
- 290.650 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto của ông Nguyễn Đăng Hoàng và bà Nguyễn Thị Tố Trinh.
- 1.446.405 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto của bà Đồng Thị Thanh Thắm.
- 2.756.911 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto của ông Ngô Công Minh và bà Phạm Thị Ái Hạnh.
- Các hợp đồng tiền gửi và xe ô tô nhãn hiệu Hyundai mới 100%.

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo hợp đồng cấp tín dụng số 0336/KHDN/20/CVTL ngày 10/12/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0336/KHDN/20-SD4 ngày 18/8/2023. Hạn mức vay: 70.000.000.000 đồng; Mục đích vay: thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom); Thời hạn vay: 96 tháng; Lãi suất vay: theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ; Tài sản đảm bảo: 1.586.940 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền ông Nguyễn Quang Khải, 1.147.000 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh, 1.172.275 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền bà Trần Thị Tâm và ông Nguyễn Quang Vân, 1.113.225 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền ông Phạm Anh Hưng và bà Trần Bích Lan, 898.000 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Bình và xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2019/CVTL-ONT/03 ngày 23/9/2019 với số tiền vay là 1.370.000.000 đồng. Lãi suất 8,3%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán (xe Ford Explorer BKS 79A-260.49). Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay, hợp đồng thế chấp số 2019/TC-ONT/03.
- Hợp đồng tín dụng số 2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 và phụ lục số 01/2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 với số tiền vay là 630.000.000 đồng; Lãi suất: 8.3%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán (xe Ford Tourneo BKS 79A-277.01); Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành

(17.2) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo các hợp đồng sau:

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0362-2022-HĐTD1-BVB003 ngày 26/12/2022 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay theo các hợp đồng tín dụng số 0030-2023-HĐTD1-BVB003 ngày 24/02/2023. Hạn mức vay: 150.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: tối đa không quá 04 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay.

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0039-2022-HĐTD1-BVB003 ngày 19/4/2022 và phụ lục số 0039.01-2022-PL1-BV003. Hạn mức vay: 12.800.000.000 đồng; Mục đích vay: nhận chuyển nhượng 04 quyền sử dụng đất tại địa chỉ ấp 05, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Tài sản đảm bảo: các bất động sản hình thành từ vốn vay được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp tài sản;
- Hợp đồng tín dụng số 0053-2023-HĐTD1-BVB003 ngày 21/4/2023. Hạn mức vay: 6.500.000.000 đồng; Mục đích vay: đầu tư xây dựng Showroom Tiền Giang Ford; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 4914, tờ bản đồ số: 04, địa chỉ: Ấp 5, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số phát hành ĐĐ 545720, số vào sổ cấp GCN: CT09213 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26/5/2022 và Giấy phép xây dựng số 03/GPXD do UBND Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/02/2023;
 - + Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, bất động sản, phương tiện vận tải của Khách hàng và/hoặc của Bên thứ ba; các tài sản này phải được Ngân hàng xem xét và chấp thuận theo quy định của Ngân hàng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.3) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2023/11402179/HĐTD ngày 27/7/2023 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%, bất động sản hoặc tiền gửi.

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/8943817/HĐTD ngày 08/10/2022. Hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng, trong đó dư nợ vay tối đa là 120 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh.

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/4528578/HĐTD ngày 04/01/2023. Hạn mức vay: 180.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: tối đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

(17.4) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 07/0322/CLri/6285628 ngày 13/4/2022 và Hợp đồng sửa đổi số 07/0322/CLri/PL02-0623 ngày 16/6/2023 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18 thuộc tờ bản đồ số 38, tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An với giá trị định giá là 356.643.800.000 đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò theo Hợp đồng thế chấp số 07/0322/HĐTC-01 ngày 13/4/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 07/0322/HĐTC-01/PL-0622 ngày 20/6/2022.

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng hạn mức số 17/0622/CL/6370659 ngày 15/6/2022 và sửa đổi bổ sung số 17/0622/CL/PL03-0623 ngày 15/6/2023. Hạn mức tín dụng tối đa 92 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 15/8/2023, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

a) Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:

- 1.927.400 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- 4.500.000 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Thành;
- 1.399.200 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Ngô Đức Toàn;
- 837.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Thái Thị Xuân Quỳnh;
- 943.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuấn;
- 2.121.007 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Ái Hạnh;
- 288.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- 154.044 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng;
- 120.600 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Ngọc Dân;
- 397.547 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Lâm.

b) Hàng tồn kho là xe Hyundai mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/0622/CL/6370672 ngày 15/6/2022. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15/6/2023. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là 9.000.000 cổ phiếu mã BSG thuộc sở hữu của bên thứ ba là Ông Phạm Anh Hưng và hàng tồn kho theo hợp đồng thế chấp số 21/0622/HĐTC-HTK.

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 19/0622/CL/6370691 ngày 15/6/2022. Số tiền vay: 40 tỷ đồng. Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh Ngân hàng. Thời hạn vay: 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức. Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Tín chấp và áp dụng thêm tài sản bảo đảm bổ sung như sau:

- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê và cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại lô B1, đường C2, khu Công nghiệp Cát Lái II, thành phố Thủ Đức, Tp. HCM trị giá 45.115.000.000 đồng.
- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê và cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại lô F3, đường D1, Khu công nghiệp Cát Lái II, thành phố HCM trị giá 17.263.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay theo hợp đồng tín dụng số 20/0622/CL/6322018 ngày 27/6/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 20/0622/CL/PL01-0223 ngày 16/02/2023. Hạn mức vay: 65.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: tối đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo:
 - Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:
 - + 12.500.000 cổ phiếu BSG (Công ty CP Xe khách SG) thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
 - + 74.250 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
 - + 500.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Bà Không Phương Thanh;
 - + 51.766 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Quang Khải;
 - + 53.880 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Thành;
 - + 66.793 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Phạm Anh Hưng;
 - + 32.994 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Lâm;
 - + 120.960 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Long;
 - + 68.820 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Quang Trí;
 - + 70.336 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Bà Trần Thị Tâm.
 - Hàng tồn kho là xe Ford mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.
 - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê và cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh và tại Lô F3, đường D1, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng số 19/0622/HĐTC-QTS.

(17.5) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2756712.23 ngày 26/6/2023 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.
- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6367447.23 ngày 19/6/2023, hạn mức vay: 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Hyundai mới 100% mua từ Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam và bất động sản tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò.

(17.6) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 369/2022/HDHM/CMB-CITYAUTO ngày 19/12/2022 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, số dư tài khoản, số tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford (CKD và CBU) các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.
- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 475/2021/HDHM ngày 13/10/2021 và phụ lục số 02/PLHĐ ngày 03/01/2023. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 13/01/2023, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục kèm theo.
- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SGN/22102 ngày 22/9/2022. Hạn mức tín dụng: 50 tỷ. Mục đích vay: Bổ sung/ hoàn vốn lưu động, phát hành/ thanh toán Upas L/C nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh xe, phụ tùng xe ô tô các loại. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức. Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Ký quỹ theo tỷ lệ quy định và áp dụng thêm tài sản bảo đảm bổ sung như sau:
 - Thế chấp bằng toàn bộ tài sản là Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 90 Bộ Địa chính, địa chỉ: 216, 216/1, 218 Quốc lộ 13 phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Thế chấp, cầm cố bằng số tiết kiệm/ Hợp đồng tiền gửi/ Chứng chỉ tiền gửi mở tại VPBank/ VPP SMBC FC
 - Các biện pháp, tài sản đảm bảo khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với Công ty và/ hoặc Bên thứ ba (nếu có)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 130422-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 14/4/2022 và 090622-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 09/6/2022. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

(17.7) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo các hợp đồng sau:

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 230026532 ngày 10/4/2023, hạn mức vay: 30 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 10/4/2024. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Hyundai mới 100% mua từ Công ty CP Liên doanh Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1805-LAV-230029401 ngày 18/4/2023. Tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 06 tháng. Lãi suất vay theo từng đợt ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100% hình thành từ vốn vay theo sản phẩm tài trợ hệ sinh thái Hyundai Thành Công Việt Nam (HTV) (SP16/CL&PTSP KHDN).

(17.8) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng sau:

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 0305/2023-HĐCVHM/NHCT924-ATC ngày 17/3/2023, hạn mức vay: 40 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết 31/7/2023. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay tối đa 4 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Hyundai mới 100% mua từ Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: DUYENTTP-001/2023-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 09/01/2023. Hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 09/01/2024, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp số:

- LINHD5-20/001/PTGT/2020/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP
- LINHD5-001/2021/PTGT/2020/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP
- DUYNT8-002/2022/HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYNT8-H05/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYNT8-H06/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYNT8-H07/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYENTTP-H09/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYENTTP-H10/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYENTTP-H11/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYENTTP-H12/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYENTTP-H13/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYENTTP-H15/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYENTTP-H16/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYENTTP-H17/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYENTTP-H18/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYENTTP-H19/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP
- DUYENTTP-H20/2022/ HĐBĐ/ NHCT504-AUTOBP

(17.9) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng sau:

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 131873.23.117.2897485.TD ngày 27/4/2023. Hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng. Mục đích vay: Phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai mới 100%. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15/4/2024, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Tiền ký quỹ, Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm tại MB, Giấy tờ có giá do MB phát hành hoặc tiền gửi, giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng khác được MB chấp thuận phát hành.
- Xe Hyundai mới 100% hình thành từ vốn vay hoặc xe đã hình thành thuộc sở hữu của khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 135612.23.117.5943003.TD ngày 19/5/2023. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh xe thương mại hiệu Hyundai (từ 09 chỗ trở xuống). Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 16/5/2024, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tiền ký quỹ, tiền gửi tiết kiệm, bất động sản, phương tiện vận tải, hàng hóa là xe ô tô Hyundai mới 100% hình thành từ vốn vay, xe ô tô biển kiểm soát 93A-271.77, số khung RLUSW81HHMN024233, số máy D4HEMH745265.

- Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng cho vay trung hạn số 3235.21.117.2897485.TD ngày 18/01/2021 với hạn mức cho vay: 10 tỷ đồng. Số tiền vay là 394.350.000 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51H-832.79. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể.

(17.10) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay từ Ngân hàng TMCP Phương Đông theo Hợp đồng tín dụng số 0105/2023/HĐTD-OCB-DN ngày 08/5/2023, hạn mức vay: 25 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò.

(17.11) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh theo 44655/22MN/HĐTD ngày 16/01/2023. Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Chi lương cho nhân viên Công ty. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo hợp đồng tín dụng số 23375/22MN/HĐTD ngày 11/07/2022. Hạn mức tín dụng: 9.000.000.000 VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức đến 11/07/2025. Thời hạn vay chi tiết theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là bất động sản tọa lạc tại tờ bản đồ số 30, 38 phường Nghi Hương, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty CP Golf Biển Cửa Lò và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và CTXD trên đất tại tổ 3, KP. Tân Trà, P. Tân Xuân, TP. Đồng Xoài, Bình Phước.

- Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng số 44656/22MN/HĐTD ngày 16/01/2023. Số tiền vay: 1.095.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Vay vốn mua xe ô tô sử dụng cho Công ty. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 11,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của khách hàng cá nhân cộng biên độ 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo là xe ô tô hình thành từ vốn vay và Bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

- Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo hợp đồng tín dụng số 23376/22MN/HĐTD ngày 07/07/2022. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn xây dựng showroom tại thị xã Đồng Xoài. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là bất động sản tọa lạc tại tờ bản đồ số 30, 38 phường Nghi Hương, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty CP Golf Biển Cửa Lò và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và CTXD trên đất tại tổ 3, KP. Tân Trà, P. Tân Xuân, TP. Đồng Xoài, Bình Phước.

(17.12) Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 165993 ngày 13/9/2022 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 115023 ngày 15/9/2023 với tổng hạn mức vay là 60 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.13) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay từ Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/5/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bỏ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố sổ dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

(17.14) Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 49/2023/HDTD/GVP ngày 22/09/2023. Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua hàng là xe ô tô mới 100% từ Công ty CP Liên Doanh ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay: Không quá 4 tháng. Tài sản đảm bảo: Ký quỹ theo quy định hoặc các thoả thuận khác với TP Bank.

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 24/2023/HDTD/GVP ngày 29/3/2023. Số tiền vay: 374.500.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe ô tô sử dụng cho Công ty. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 9,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cho vay ô tô của KHDN của TPBank cộng biên độ 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ vốn vay.

(17.15) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay từ Ngân hàng TMCP Petrolimex theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 441/2023/0122/HĐTĐHM-DN/PGBankSG ngày 19/09/2023. Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua hàng là xe ô tô từ Công ty CP Liên Doanh ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay: Không quá 5 tháng. Tài sản đảm bảo: Hàng hoá là xe ô tô hình thành từ vốn vay do PGBank cấp tín dụng.

(17.16) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 13/2023/HĐTĐ-HM/TTKD ngày 15/8/2023 với hạn mức vay là 80 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bỏ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo: thế chấp bằng xe Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100%.

(17.17) Trái phiếu thường không chiết khấu của Công ty Cổ phần City Auto: Công ty đã phát hành 500 trái phiếu thường với mã trái phiếu CTFH2224001, mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu với tổng mệnh giá là 50 tỷ đồng, kỳ hạn 18 tháng, ngày đáo hạn: 03/5/2024, lãi suất trái phiếu cố định 11%/năm, mục đích phát hành để tái cơ cấu nợ, chi tiết theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 03/11/2022. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 4.573.193 cổ phiếu mã CTF của Công ty CP City Auto chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 66/HĐ-CTF/2022 ngày 21/10/2022 giữa Ông Nguyễn Văn Thành (đại diện các bên thế chấp) và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Công ty CP City Auto.

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	9 tháng đầu năm 2023	9 tháng đầu năm 2022
Số dư đầu năm	2.533.808.778	3.274.296.577
Tăng do trích quỹ	-	-
Giảm do chi quỹ	(1.004.767.999)	(458.707.149)
Số dư cuối kỳ	1.529.040.779	2.815.589.428

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2022	Tăng	Giảm	30/9/2022
- Vốn góp của chủ sở hữu	723.977.760.000	36.197.660.000	-	760.175.420.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.367.682.760	-	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.215.200.961	-	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	52.559.940.586	73.948.884.065	36.197.660.000	90.311.164.651
Cộng	782.120.584.307	110.146.544.065	36.197.660.000	856.069.468.372

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	01/01/2023	Tăng	Giảm	30/9/2023
- Vốn góp của chủ sở hữu	760.175.420.000	38.008.770.000	-	798.184.190.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-	19.004.385.000	-	19.004.385.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.367.682.760	-	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.215.200.961	-	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	128.077.046.468	37.100.239.636	-	165.177.286.104
Cộng	893.835.350.189	94.113.394.636	-	987.948.744.825
			9 tháng đầu năm 2023	9 tháng đầu năm 2022
b) Lợi nhuận chưa phân phối				
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm			128.077.046.468	52.559.940.586
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ			37.100.239.636	73.948.884.065
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức			-	(36.197.660.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ			165.177.286.104	90.311.164.651
c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 16 ngày 31/7/2023 là 798.184.190.000 đồng tương đương 79.818.419 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.				
Cổ phiếu			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			79.818.419	76.017.542
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng			79.818.419	76.017.542
+ Cổ phiếu phổ thông			79.818.419	76.017.542
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)			-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			79.818.419	76.017.542
+ Cổ phiếu phổ thông			79.818.419	76.017.542
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>			10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp
20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát			72.502.000.000	27.402.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát			9.227.010.911	9.031.286.139
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát			(5.888.466.744)	(2.605.529.808)
+ Chuyển lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát sang lợi nhuận công ty mẹ do chuyển nhượng cổ phần			(3.136.284.405)	(3.136.284.405)
+ Điều chỉnh sang Lợi nhuận chưa phân phối			(19.474.073)	-
+ Trích lập các quỹ			(276.709.891)	118.410.605
Cộng			72.408.075.798	30.809.882.531
21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý			5.356.110.813	5.356.110.813
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
a) Doanh thu				
- Doanh thu bán hàng hoá			1.655.166.442.509	1.396.036.761.859
- Doanh thu cung cấp dịch vụ			117.806.714.715	98.882.388.132
Cộng			1.772.973.157.224	1.494.919.149.991
Các khoản giảm trừ				
Giảm giá hàng bán			13.061.500	-
Hàng bán bị trả lại			80.263.789.222	8.895.441.820
Cộng doanh thu thuần			1.692.696.306.502	1.486.023.708.171

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	1.567.363.034.519	1.360.892.501.195
Doanh thu bán phụ tùng	7.526.557.268	26.248.818.844
Doanh thu cung cấp dịch vụ	104.831.202.567	93.665.719.182
Doanh thu khác	12.975.512.148	5.216.668.950
Cộng	1.692.696.306.502	1.486.023.708.171
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Giá vốn xe đã bán	1.541.109.917.452	1.276.688.984.948
- Giá vốn hàng hóa đã bán	5.661.106.825	19.676.379.346
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	63.370.583.466	52.301.696.234
- Giá vốn khác	2.023.569.629	849.826.306
Cộng	1.612.165.177.372	1.349.516.886.834
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Lãi tiền gửi ngân hàng	37.739.076	803.809.599
- Chiết khấu thanh toán được hưởng	18.238.157	66.369.098
- Lãi từ khoản đầu tư	35.898.000.000	-
- Lãi từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư	-	-
- Lãi từ khoản ký quỹ, cho vay	36.347.426.332	10.819.101.358
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	176.410	10.819.101.358
Cộng	72.301.579.975	11.689.280.055
4. Chi phí tài chính		
	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	41.206.237.615	18.825.246.816
Cộng	41.206.237.615	18.825.246.816
5. Chi phí bán hàng		
	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Chi phí nhân viên	26.870.375.422	31.733.768.120
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.699.382.120	2.172.934.574
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.254.772.071	10.941.769.528
- Chi phí bằng tiền khác	22.190.410.759	18.940.179.432
Cộng	66.014.940.372	63.788.651.654
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Chi phí nhân viên quản lý	13.463.461.587	12.872.549.593
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	781.278.755	1.204.441.050
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.976.794.331	1.972.412.876
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	-
- Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	3.538.198.101	2.916.605.211
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.818.152.797	10.166.011.037
- Chi phí bằng tiền khác	2.701.429.098	2.697.097.638
Cộng	30.279.314.669	31.829.117.405
7. Thu nhập khác		
	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	284.595.091	65.424.268
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện, bán hàng từ nhà cung cấp kỳ này	7.619.648.762	11.701.604.252
- Hoàn nhập do trích dư hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp kỳ trước	-	-
- Xử lý công nợ lâu năm	637.346.703	-
- Thu nhập khác	2.697.282.750	2.545.789.556
Cộng	11.238.873.306	14.312.818.076

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
8. Chi phí khác		
- Chi phí phạt thuế, thuế truy thu	-	665.002.477
- Chi phí khác	116.302.836	233.324.754
Cộng	116.302.836	898.327.231
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto	-	1.993.033.060
- Chi phí thuế TNDN - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	1.374.266.250	2.204.009.466
- Chi phí thuế TNDN - Công ty CP ô tô Nha Trang (hợp nhất)	13.324.289	1.657.466.087
- Chi phí thuế TNDN - Công ty CP Auto Trường Chinh (hợp nhất)	-	1.470.014.876
Cộng	1.387.590.539	7.324.523.489
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.067.196.381	39.843.052.873
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	2.305.167.526	1.743.426.714
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	22.762.028.855	38.099.626.159
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	22.762.028.855	38.099.626.159
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	78.537.689	74.483.076
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	290	512
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	22.762.028.855	38.099.626.159
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	22.762.028.855	38.099.626.159
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	78.537.689	74.483.076
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	78.537.689	74.483.076
Lãi/ (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	290	512
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.612.165.177.372	1.349.516.886.834
- Chi phí nhân công	40.333.837.008	44.606.317.713
- Chi phí khấu hao	4.676.176.451	4.145.347.450
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.072.924.868	21.107.780.565
- Chi phí khác	29.211.316.713	25.758.323.331
Cộng	1.708.459.432.412	1.445.134.655.893

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Trong quý này, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối liên kết</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Bán hàng hóa	157.639.970.117
		Mua hàng hóa và dịch vụ	50.965.810.319
		Doanh thu tài chính khác	7.521.117.263
		Thu nhập khác	84.000.000
Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	45.000.000
		Tiền lương	81.000.000
Ông Trần Lâm	Thành viên	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	-
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên/ Tổng Giám đốc	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	61.424.000
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Thành viên	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	30.520.000
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	-
Ban Kiểm soát			
Ông Đào Trọng Vũ	Trưởng ban	Thù lao	9.000.000
Ông Lê Danh Thủ	Thành viên	Thù lao	9.000.000
Ông Bùi Duy Văn	Thành viên	Thù lao	9.000.000

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>	
		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Phải thu	652.660.825.278	408.800.910.889
	Ký quỹ dài hạn	274.732.000.000	274.732.000.000
	Phải trả	12.589.351.282	14.379.338.017

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2023

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu